TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02 -01-2018
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Dương Bích Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trúc Việt

Bà Nguyễn Thị Mười

-**Thư ký phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngà-Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 522/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74a/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991 (có mặt)

Ngụ tại: Ấp S, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

-*Bị đơn:* Anh Trần Quan L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Ngụ tại: Ấp Q, xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:

Chị và anh Trần Quan L kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/6/2013. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung gia đình bên chồng ở xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre một thời gian, sau đó vợ chồng chuyển về nhà riêng của

chị (nhà này do cha mẹ ruột chị cho riêng chị trước khi cưới) ở Bà Rịa-Vũng Tàu, sau đó vợ chồng tích góp được ít vốn để mở quán, trong thời gian này chị mang bầu nhưng anh L thường nhậu nhẹt, ham vui với bạn bè. Sau khi sinh con thì anh L không lo lắng gì cho chị nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khi con được 01 tuổi thì anh L về quê cha mẹ ruột anh L ở xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre sinh sống từ tháng 6 năm 2016 và từ thời gian đó đến nay vợ chồng không liên lạc, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, nhiều lần chị muốn đoàn tụ đợi anh L về nhưng anh L không về. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Chị không có yêu cầu tòa giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 đứa con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 01/5/2015, hiện đang sống với chị ở Bà Rịa-Vũng Tàu, chị yêu cầu được nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Anh Trần Quan L dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc A; về con chung: chị Ngọc A được trực tiếp nuôi cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 01/5/2015. Ghi nhận chị Ngọc A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quan L dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp quy định.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Trần Quan L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Ngọc A trình bày, sau khi kết hôn thì vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến khi chị mang thai thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do anh L không lo cho vợ con, thường nhậu nhẹt và ham vui với bạn bè nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn hạnh phúc, hiện tại chị và anh L không còn sống chung với nhau, anh L đã về nhà cha mẹ ruột ở xã S, huyện CT, tỉnh Bến Tre để sinh sống, còn chị sống cùng con chị ở Bà Rịa-Vũng Tàu, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay.

Anh L dù biết được việc chị Ngọc A yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không tham dự hòa giải, đồng thời trong thời gian vợ chồng ly thân, anh chị cũng không có liên lạc và không tạo cơ hội để đoàn tụ cùng nhau, chứng tỏ anh L và chị Ngọc A cũng không còn quan tâm đến cuộc sống và tình cảm vợ chồng. Qua kết quả xác minh cũng cho thấy anh chị không còn liên lạc, hiện tại hai người không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người đã có cuộc sống riêng, vợ chồng không tạo điều kiện và cơ hội để đoàn tụ cùng nhau. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh L, chị Ngọc A không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc A đối với anh L là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2]Về nuôi con chung: Anh L và chị Ngọc A có 01 con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 01/5/2015, chị Ngọc A yêu cầu được nuôi con. Xét thấy yêu cầu này của chị Ngọc A là phù hợp vì cháu T hiện chưa được 36 tháng tuổi, hiện tại chị Ngọc A là người trực tiếp nuôi cháu, chị cũng có thu nhập và công việc ổn định để nuôi con. Vì vậy, cần để cho chị Ngọc A được quyền nuôi con là phù hợp. Chị Ngọc A không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[2.3]Về tài sản chung: Theo chị Ngọc A trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung nên tòa không xem xét.

[2.4]Về nợ chung: Chị Ngọc A trình bày vợ chồng không có nợ chung nên tòa không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A chịu theo quy định.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc A đối với anh Trần Quan L.

Chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Trần Quan L

Ghi nhận chị Ngọc A không có yêu cầu tòa giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc A được nuôi con chung là cháu Trần Hoàng T sinh ngày 01/5/2015.

Ghi nhận chị Ngọc A không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013288 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Bến Tre. Chị Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện CT;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-UBND xã S;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Việt